Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Mười Một và mười một tháng năm 2011

Đơn vị tính: *Tỷ đồng*

	Thực hiện tháng 10 năm 2011	Ước tính tháng 11 năm 2011	Cộng dồn 11 tháng năm 2011	11 tháng năm 2011 so với kế hoạch năm 2011(%)	11 tháng năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010 (%)
TỔNG SỐ	**19920**	**20739**	**170606**	**84,5**	**108,8**
Phân theo cấp quản lý					
Trung ương	3891	4157	38654	92,3	108,4
Địa phương	16030	16582	131952	82,4	108,9
Một số Bộ					
Bộ Công Thương	390	465	3667	89,9	109,6
Bộ NN và PTNT	275	292	3631	98,9	108,6
Bộ Giáo dục và Đào tạo	82	85	870	96,8	106,3
Bộ Y tế	70	73	857	95,3	105,7
Bộ Xây dựng	125	138	755	77,0	109,1
Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	41	42	554	99,4	104,4
Một số địa phương					
Hà Nội	1503	1517	15231	72,8	109,5
TP. Hồ Chí Minh	2238	2033	15106	82,1	108,2
Đà Nẵng	842	807	7595	132,5	114,2
Quảng Ninh	550	566	4453	87,2	100,4
Thanh Hóa	377	386	4092	115,1	107,6
Bình Dương	363	391	2760	92,8	108,8
Bà Rịa - Vũng Tàu	252	262	2739	81,4	106,0
Đồng Nai	378	452	2711	88,5	153,1
Hà Tĩnh	335	349	2700	82,9	84,6
Lào Cai	363	429	2647	74,3	142,0
Cần Thơ	180	180	2347	90,6	102,5
Hải Phòng	357	431	2258	117,9	112,9
Hậu Giang	135	157	2117	111,2	96,0
Quảng Ngãi	185	172	1960	104,8	75,1
Khánh Hoà	183	194	1911	71,8	114,4
Thừa Thiên - Huế	163	176	1661	89,3	109,6
Tiền Giang	161	166	1629	92,5	105,2
Lâm Đồng	101	145	1492	105,9	86,0
Đắk Lắk	103	104	1338	75,4	130,3
Ninh Thuận	114	163	1196	85,1	112,6
Long An	94	95	1167	57,8	81,9
Sơn La	92	100	976	86,6	107,2
Hưng Yên	104	109	887	66,7	117,3